

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Lộc.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thụy Hoàng Y - sinh ngày: 10/02/1988; số căn cước công dân: 075188013126; địa chỉ: số 08 đường B 128, ấp N, xã T, tỉnh Đ N.

- Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc P - sinh ngày: 17/3/1988; số căn cước công dân: 052088019052; địa chỉ: số 56 đường Q, thôn D, xã P, tỉnh G L.

(Chị Y, anh P vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thụy Hoàng Y trình bày:

Chị với anh Đỗ Ngọc P tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đ N (cũ) ngày 23/10/2014. Sau khi kết hôn

vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng xảy ra cãi vã nên tình cảm dần phai nhạt. Từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

Chị với anh Đỗ Ngọc P có 02 người con chung tên là Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu H, cháu M. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai của bị đơn anh Đỗ Ngọc P, anh P trình bày:

Anh với chị Lê Thụy Hoàng Y tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đ N (cũ) ngày 23/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 anh bị tai nạn giao thông nên chị Y không quan tâm. Từ năm 2020 vợ chồng không sống chung cho đến nay. Anh nhận thấy vợ chồng không sống chung với nhau đã lâu nên chị Y yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị Y.

Anh với chị Lê Thụy Hoàng Y có 02 người con chung tên là Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019, hiện đang ở với chị Y. Khi ly hôn anh có nguyện vọng xin nhận nuôi một người con để ở bên anh trong lúc anh đau bệnh.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị Y, anh P kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Y được ly hôn anh P; giao con chung là cháu Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và cháu Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Yén trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thụy Hoàng Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc P. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị Y được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc P hiện đang cư trú sinh sống tại số 56 đường Q, thôn D, xã P, tỉnh G L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai.

Nguyên đơn chị Lê Thụy Hoàng Y có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án và yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Lê Thụy Hoàng Y với anh Đỗ Ngọc P tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đ N (cũ) ngày 23/10/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh P được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Lê Thụy Hoàng Y trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng xảy ra cãi vã nên tình cảm dần phai nhạt. Từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thụy Hoàng Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Lê Thụy Hoàng Y với anh Đỗ Ngọc P phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, anh P bị tai nạn giao thông nhưng chị Y không quan tâm nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị Y nhận thấy vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh P. Anh P cũng thừa nhận vợ chồng không chung sống với nhau đã lâu nên đồng ý ly hôn chị Y. Do đó, có cơ sở xác định chị Y với anh P đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Ngọc P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[2.4]. Về con chung:

Chị Lê Thụy Hoàng Y với anh Đỗ Ngọc P có 02 người con chung tên là Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019, hiện sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đang ở với chị Y. Khi ly hôn chị Y xin nhận nuôi cháu H, cháu M. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh P cũng có nguyện vọng xin nhận nuôi một trong hai người con. Anh cũng không tranh chấp nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Y, anh P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường. Cháu H, cháu M hiện nay đang ở với chị Y, từ khi vợ chồng không sống chung cho đến nay chị Y vẫn đảm bảo cuộc sống, học tập của các cháu, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi cha, mẹ ly hôn; hơn nữa hiện tại anh P bị tai nạn giao thông bị tàn tật, anh không có khả năng lao động mà hưởng trợ cấp hàng tháng của nhà nước nên không đảm bảo sức khỏe, kinh tế để chăm sóc cho con; để giảm gánh nặng cho anh P và để tránh sự xáo trộn cho các cháu, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Lê Thụy Hoàng Y phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thụy Hoàng Y về việc yêu cầu ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thụy Hoàng Y được ly hôn anh Đỗ Ngọc P.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Lê Thụy Hoàng Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Đỗ Lê Duy H, sinh ngày 30/4/2017 và Đỗ Lê Nhật M, sinh ngày 28/5/2019. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị Lê Thụy Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị Y đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0021219 ngày 17/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ N, nay được khấu trừ.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Minh

